

Số: /BC-STNMT

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Bổ sung nội dung, thông tin, số liệu về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021

Thực hiện Công văn số 2555/UBND-KTTH ngày 06/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc báo cáo và bổ sung nội dung, thông tin, số liệu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp kết quả bổ sung cụ thể như sau:

1. Việc quản lý, sử dụng NSNN, vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020; 2021-2025 và hàng năm:

- Sở Tài nguyên và môi trường xây dựng Kế hoạch vốn NSNN cũng như vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020; 2021-2025 và hàng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo đúng quy định.

- Việc giao dự toán NSNN, vốn đầu tư công đảm bảo đúng thời gian và tiến độ.

- Việc thực hiện giải ngân vốn NSNN đảm bảo đúng quy định, đúng thời gian. Bên cạnh đó, việc triển khai thực hiện một số dự án và giải ngân vốn đầu tư công của đơn vị vẫn còn chậm so với thời gian quy định. (*Dự án vay vốn Ngân hàng Thế giới. Nguyên nhân do Trung ương triển khai chậm, không có hướng dẫn cụ thể, dẫn đến toàn bộ 33 tỉnh đều triển khai chậm*).

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

Sở Tài nguyên và Môi trường có 07 đơn vị trực thuộc. Trong đó: 04 đơn vị sự nghiệp công sử dụng chung trụ sở Tòa nhà các đơn vị sự nghiệp của tỉnh; 03 đơn vị sử dụng chung trụ sở của Sở Tài nguyên và MT.

3. Về quản lý, khai thác tài nguyên

3.1. Về quản lý, sử dụng đất đai

3.1.1. Thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Bắc Giang (theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 9/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Bắc Giang) như sau:

*** Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước đến năm 2020**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt đến năm 2020 (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
1	Đất nông nghiệp	NNP	293.608	301.064	7.455	102,54
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	68.571	70.748	2.177	103,18
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>57.982</i>	<i>59.843</i>	<i>1.861</i>	<i>103,21</i>
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	57.040	66.444	9.404	116,49
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	20.708	20.595	-113	99,45
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	13.083	13.037	-46	99,65
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	119.718	112.151	-7.567	93,68
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>		<i>23.961</i>	<i>23.961</i>	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	92.284	85.133	-7.151	92,25
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	25.125	24.891	-233	99,07
2.2	Đất an ninh	CAN	585	518	-68	88,45
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.322	1.051	-271	79,51
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	1.258	624	-634	49,57
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	228	426	198	187,03
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2.244	1.527	-717	68,06
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1.245	444	-801	35,69
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	22.464	20.693	-1.771	92,12
	<i>Trong đó:</i>					
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>97</i>	<i>315</i>	<i>218</i>	<i>325,22</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>189</i>	<i>103</i>	<i>-86</i>	<i>54,36</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>915</i>	<i>807</i>	<i>-108</i>	<i>88,24</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>923</i>	<i>534</i>	<i>-389</i>	<i>57,85</i>
2.9	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	86	86	0	99,52
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	277	13	-263	4,85
2.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	276	118	-158	42,81
2.12	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1.737	1.436	-301	82,67
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	19.431	16.562	-2.869	85,24
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.869	3.100	1.231	165,84
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	276	214	-63	77,36

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt đến năm 2020 (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	81	31	-49	38,62
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0	-	0	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	3.656	3.392	264	107,78
4	Đất đô thị	KDT	16.291	27.114	10.823	166,44

a) Đất nông nghiệp:

Theo chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 của tỉnh Bắc Giang đã được Chính phủ xét duyệt, đến năm 2020 tỉnh Bắc Giang có 293.608 ha đất nông nghiệp, thực hiện đến năm 2020 có 301.064 ha, cao hơn 7.455 ha so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2016 - 2020) đã được xét duyệt (đạt 102,54% so với chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch đã được xét duyệt).

Nguyên nhân: đất nông nghiệp còn lớn hơn so với chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch được duyệt là do tình hình kinh tế cả nước trong những năm qua bị suy giảm đã ảnh hưởng đến khả năng triển khai thực hiện các dự án, đến khả năng thu hút vốn đầu tư vào các công trình theo kế hoạch. Vì vậy một số công trình chưa có khả năng thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020 phải chuyển sang giai đoạn 2021 - 2030 hoặc hủy bỏ; các công trình này chủ yếu sử dụng từ đất nông nghiệp. Kết quả thực hiện các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp như sau:

**) Đất trồng lúa*

Đến năm 2020, theo chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2016 - 2020) đã được Chính phủ xét duyệt tỉnh Bắc Giang có 68.571 ha đất trồng lúa; thực hiện đến năm 2020 có 70.748 ha, tăng 2.177 ha so với chỉ tiêu kế hoạch đã được xét duyệt, đạt 103.18%. Nguyên nhân là do một số dự án có sử dụng đất trồng lúa trong kỳ điều chỉnh 2016 - 2020 chưa thực hiện được.

- Đất chuyên trồng lúa nước

Theo Nghị quyết số 40/NQ-CP, Chính phủ giao đến năm 2020 tỉnh Bắc Giang cần bảo vệ 57.982 ha đất chuyên trồng lúa nước; thực hiện hết năm 2020 có 59.843 ha đất chuyên trồng lúa nước, cao hơn 1.861 ha so với chỉ tiêu.

**) Đất trồng cây lâu năm*

Theo Nghị quyết số 40/NQ-CP, đến năm 2020 tỉnh Bắc Giang dự kiến có 57.040 ha đất trồng cây lâu năm; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 66.444 ha, thực hiện cao hơn 9.404 ha so với chỉ tiêu Nghị quyết số 40/NQ-CP (đạt 116.49% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt).

**) Đất rừng phòng hộ*

Theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ, đến năm 2020, tỉnh Bắc Giang có 20.708 ha đất rừng phòng hộ; kết quả thực hiện đến năm 2020, đất rừng phòng hộ có 20.595 ha, thấp hơn 113 ha so với chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch đã được xét duyệt.

Nguyên nhân: do điều chỉnh lại một số diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất chưa sử dụng, đất rừng sản xuất nằm xen kẽ trong các khu rừng phòng hộ theo kết quả điều tra, rà soát lại 3 loại rừng; một phần do chưa thực hiện việc khai hoang, trồng mới rừng phòng hộ theo kế hoạch đã đề ra.

**) Đất rừng đặc dụng*

Theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ, đến năm 2020 tỉnh Bắc Giang có 13.083 ha đất rừng đặc dụng; kết quả thực hiện đến năm 2020 có 13.037 ha đất rừng đặc dụng, thấp hơn 46 ha so với chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch đã được xét duyệt.

**) Đất rừng sản xuất*

Theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018, diện tích đất rừng sản xuất dự kiến đến năm 2020 còn 119.718 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 112.151 ha, thấp hơn 7.567 ha so với chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch đã được xét duyệt.

Nguyên nhân: do điều chỉnh lại một số diện tích đất sản xuất nông nghiệp xen kẽ trong các khu rừng sản xuất theo kết quả điều tra, rà soát lại 3 loại rừng; một phần do chưa thực hiện việc khai hoang, trồng mới rừng sản xuất theo kế hoạch đã đề ra.

b) Đất phi nông nghiệp:

Theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ, đến năm 2020 toàn tỉnh Bắc Giang có 92.284 ha đất phi nông nghiệp, tuy nhiên thực hiện đến năm 2020 mới đạt 85.134 ha, chưa thực hiện 7.150 ha và đạt 92.25% so với chỉ tiêu kế hoạch đã được xét duyệt.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của các loại đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cụ thể như sau:

**) Đất quốc phòng*

Theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ, đến năm 2020 toàn tỉnh Bắc Giang sẽ có 25.125 ha đất quốc phòng, tuy nhiên thực hiện đến năm 2020 mới đạt 24.891 ha, chưa thực hiện 233 ha so với chỉ tiêu kế hoạch đã được xét duyệt. Nguyên nhân do xác định lại diện tích đất sử dụng vào mục đích quốc phòng phù hợp với nhu cầu sử dụng thực tế. Mặt khác một số công trình dự án quốc phòng trong giai đoạn 2016 - 2020 đến nay vẫn chưa thực hiện được.

**) Đất an ninh*

Theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ đến năm 2020 tỉnh Bắc Giang có 585 ha đất an ninh, tuy nhiên thực hiện đến năm 2020

mới đạt 518 ha, chưa thực hiện 68 ha và đạt 88.45% so với chỉ tiêu kế hoạch đã được xét duyệt. Nguyên nhân là do một số công trình dự kiến thực hiện trong kỳ quy hoạch 2016 - 2020 nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được.

**) Đất khu công nghiệp*

Theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ, đến năm 2020 dự kiến tỉnh Bắc Giang có 1.322 ha để quy hoạch các khu công nghiệp, tuy nhiên thực hiện đến năm 2020 mới đạt 1.051 ha, chưa thực hiện 271 ha và đạt 79,51% so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt.

Tỉnh hiện có 06 KCN được phê duyệt tổng diện tích hiện trạng 1.322 ha, trong đó có 05 KCN đã đi vào hoạt động, tỷ lệ lấp đầy đất công nghiệp đạt 81,7%. Trong đó: KCN Đình Trám, Vân Trung đã lấp đầy 100%; KCN Quang Châu đã lấp đầy 71% (còn 90 ha đang GPMB), KCN Song Khê - Nội Hoàng (lấp đầy 92,8%; còn 10 ha đang GPMB), KCN Hòa Phú (lấp đầy 50%; còn 110 ha đang GPMB), KCN Việt Hàn đang thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

**) Đất cụm công nghiệp*

Chỉ tiêu sử dụng đất cụm công nghiệp đến năm 2020 của tỉnh Bắc Giang đã được Chính phủ xét duyệt tại Nghị quyết số 40/NQ-CP là 1.258 ha, tuy nhiên đến năm 2020 tỉnh Bắc Giang thực hiện được 624 ha, chưa thực hiện 634 ha và đạt 49,57% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do việc bồi thường, giải phóng mặt bằng nhằm tạo quỹ đất sạch còn gặp nhiều khó khăn, kéo dài vì chủ yếu là tư ngân sách nhà nước, ảnh hưởng đến việc kêu gọi các nguồn vốn đầu tư vào các cụm công nghiệp trong thời gian qua.

**) Đất thương mại, dịch vụ*

Tại Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018, Chính phủ cho phép tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 có 228 ha đất thương mại, dịch vụ, tuy nhiên đến nay đã thực hiện được 426 ha, vượt 198 ha và đạt 187,03% so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt được duyệt.

Đất thương mại dịch vụ tăng nhiều so với điều chỉnh quy hoạch được duyệt do trong giai đoạn 2016 - 2020 nguyên nhân là do kinh tế xã hội tỉnh phát triển vượt bậc, các khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp phát triển mạnh, nhu cầu đất thương mại dịch vụ phát triển theo vượt chỉ tiêu quy hoạch.

**) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*

Tại Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018, đến năm 2020 tỉnh Bắc Giang dự kiến có 2.244 ha đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, tuy nhiên đến nay mới thực hiện được 1.527 ha, chưa thực hiện 717 ha và đạt 68,06% so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt được duyệt.

**) Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản*

Tại Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018, Chính phủ cho phép tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 có 1.245 ha đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản,

tuy nhiên đến nay mới thực hiện được 444 ha, chưa thực hiện 801 ha so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt được duyệt.

**) Đất phát triển hạ tầng*

Thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ, dự kiến đến năm 2020, tỉnh Bắc Giang sẽ có 22.464 ha đất phát triển hạ tầng; thực hiện đến năm 2020 đạt 20.926 ha, đạt 93,15% so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt được duyệt.

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa

Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa đến năm 2020 của tỉnh Bắc Giang đã được Chính phủ xét duyệt là 97 ha, đến năm 2020 thực hiện được 315 ha, vượt 218 ha và đạt 325,22% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng cơ sở y tế

Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế đến năm 2020 của tỉnh Bắc Giang đã được Chính phủ xét duyệt tại Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 là 189 ha, tuy nhiên đến nay mới thực hiện được 103 ha, chưa thực hiện 86 ha và đạt 54,36% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo

Theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ, đến năm 2020 tỉnh Bắc Giang sẽ có 915 ha đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo, tuy nhiên đến nay mới thực hiện được 807 ha, chưa thực hiện 108 ha và đạt 88,24% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao

Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao đến năm 2020 của tỉnh Bắc Giang đã được Chính phủ xét duyệt tại Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 là 923 ha, tuy nhiên đến nay mới thực hiện được 534 ha, chưa thực hiện 389 ha và đạt 57,85% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**) Đất có di tích lịch sử văn hóa*

Theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ, đến năm 2020 tỉnh Bắc Giang có 86 ha đất có di tích lịch sử văn hóa; thực hiện đến nay đạt 100% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**) Đất bãi thải, xử lý chất thải*

Theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ, đến năm 2020 tỉnh Bắc Giang có 276 ha đất bãi thải, xử lý chất thải; tuy nhiên đến năm 2020 thực hiện được 118 ha, chưa thực hiện 158 ha đạt 42,81% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**) Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*

Dự kiến đến năm 2020, tỉnh Bắc Giang có 1.737 ha đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng đã được Chính phủ xét duyệt, tuy nhiên thực hiện đến năm 2020 mới đạt 1.436 ha, chưa thực hiện 301 ha đạt 82,67% so với

chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**) Đất ở tại nông thôn*

Chỉ tiêu sử dụng đất ở tại nông thôn đã được Chính phủ xét duyệt tại Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018, đến năm 2020 tỉnh Bắc Giang có 19.431 ha đất ở tại nông thôn, tuy nhiên đến nay đã thực hiện được 16.562 ha, chưa thực hiện 2.869 ha và đạt 85,24% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**) Đất ở tại đô thị*

Chỉ tiêu sử dụng đất ở tại đô thị đã được Chính phủ xét duyệt tại Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018, đến năm 2020 tỉnh Bắc Giang có 1.869 ha đất ở tại đô thị, tuy nhiên đến nay đã thực hiện được 3100 ha, vượt 1.231 ha và đạt 165.84% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**) Đất xây dựng trụ sở cơ quan*

Theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ, đến năm 2020 tỉnh Bắc Giang có 276 ha đất xây dựng trụ sở cơ quan, tuy nhiên đến nay đã thực hiện được 215 ha, chưa thực hiện 61 ha và đạt 77.77% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**) Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*

Theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ, đến năm 2020 tỉnh Bắc Giang có 81 ha đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp. Thực hiện đến năm 2020 mới đạt 35 ha, chưa thực hiện 46 ha so, đạt 43,28% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

c) Đất chưa sử dụng

Theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ, đến năm 2020 tỉnh Bắc Giang còn 3.656 ha đất chưa sử dụng, thực hiện đến năm 2020 diện tích đất chưa sử dụng của tỉnh còn 3.392 ha, thực hiện vượt 264 ha so với chỉ tiêu được duyệt để khai thác sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp và nông nghiệp.

d) Đất đô thị

Theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ, đến năm 2020 tỉnh Bắc Giang còn 16.291 ha đất đô thị, thực hiện đến nay có 27.114 ha, cao hơn 10.823 ha so chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân tăng do sáp nhập các xã vào thành phố Bắc Giang và các xã vào thị trấn. Năm 2011, sáp nhập 5 xã: Song Khê, Tân Mỹ, Tân Tiến, Đồng Sơn, Dĩnh Trì vào thành phố Bắc Giang. Năm 2019 sáp nhập 16 xã vào các thị trấn trên địa bàn các huyện.

3.1.2. Về việc Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất

a) Về giao đất không thu tiền sử dụng đất:

- Diện tích giao đất: 3.368,6m²

- Mục đích sử dụng đất giao: giao đất cho các dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

- Đối tượng được giao đất: tổ chức

- Diện tích đất sử dụng sai mục đích: 0

- Diện tích đất giao nhưng 12 tháng liên tục không sử dụng: 0

- Diện tích đất giao nhưng tiến độ sử dụng chậm hơn 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư được phê duyệt: 0

b) Về giao đất có thu tiền sử dụng đất:

- Diện tích giao đất: 230,8ha

- Mục đích sử dụng: Đất ở

- Đối tượng giao đất: Tổ chức

- Diện tích đất sử dụng không đúng mục đích: 0

- Diện tích đất thuê nhưng 12 tháng liên tục không sử dụng: 0

- Diện tích đất thuê nhưng tiến độ sử dụng chậm hơn 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư được phê duyệt: 0

c) Về thuê đất:

- Diện tích đất thuê: 9.783,5 ha

- Đối tượng được Nhà nước cho thuê đất: tổ chức

- Diện tích đất sử dụng không đúng mục đích: 0 ha

- Diện tích đất thuê nhưng 12 tháng liên tục không sử dụng: Không

- Diện tích đất thuê nhưng tiến độ sử dụng chậm hơn 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư được phê duyệt: 12 dự án với tổng diện tích 15,6 ha.

d) Về chuyển mục đích sử dụng đất

- Số tổ chức được cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 426 tổ chức;

- Diện tích được phép chuyển mục đích của tổ chức: 3.054ha ha.

- Diện tích đất không sử dụng, sử dụng đất không đúng mục đích: 12 tổ chức với tổng diện tích là 15,6 ha.

- Người được phép chuyển mục đích sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất nhưng còn nợ tiền sử dụng đất: Không.

đ) Về việc Nhà nước thu hồi đất

- Tổng diện tích đất Nhà nước thu hồi: 6.570 ha, trong đó:

+ Diện tích đất Nhà nước thu hồi để sử dụng vào mục đích quy định tại Điều 61 và 62 Luật Đất đai là 6.312 ha.

+ Diện tích đất Nhà nước thu hồi để sử dụng vào mục đích quy định tại Điều 64 Luật Đất đai: Không.

+ Diện tích đất Nhà nước thu hồi để sử dụng vào mục đích quy định tại Điều 65 Luật Đất đai nhưng đến 31/12/2021 chưa thu hồi được: 251,8 ha.

+ Số công trình, dự án chậm triển khai do tiến độ thu hồi đất chậm so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư được phê duyệt là 12 dự án với tổng diện tích là 15,61ha, trong đó diện tích đất chậm thu hồi: 1,62 ha.

3.1.3. Về việc Nhà nước cấp GCN QSD đất cho tổ chức sử dụng đất:

a) Số tổ chức được cấp GCN QSD đất:

- Từ năm 2016 đến nay, đã cấp được tổng số 8.099 GCN QSD đất cho 1.575 tổ chức với tổng diện tích 5.109,64 ha. Trong đó:

+ Giai đoạn 2016-2020: cấp được 4.097 GCN cho 1.358 tổ chức với diện tích 4.580,44 ha.

+ Năm 2021: cấp được 4.002 GCN cho 217 tổ chức với diện tích 529,2 ha.

- Diện tích đất phải xử lý thu hồi khi cấp GCN: 985,13 ha; Diện tích đất đã thu hồi: 985,13 ha (đạt 100%);

- Phương án sử dụng đất đối với diện tích đất đã thu hồi: Đã hoàn thành theo quy định.

b) Đánh giá tình hình quản lý sử dụng đất của các nông, lâm trường quốc doanh; công ty nông, lâm nghiệp theo quy định tại Điều 46 Luật Đất đai:

- Số nông, lâm trường quốc doanh; công ty nông, lâm nghiệp đã hoàn thành việc sắp xếp đổi mới và đã được cấp GCN QSD đất: 02/04 công ty thuộc diện sắp xếp.

- Diện tích đất nông, lâm trường quốc doanh; công ty nông, lâm nghiệp được giữ lại sử dụng theo phương án sử dụng đất đã được phê duyệt sau sắp xếp đổi mới: 9.858,86 ha. Trong đó:

+ Diện tích đất còn đang cho thuê, cho mượn, liên doanh, liên kết: 0 ha;

+ Diện tích đất còn để hoang hóa, chưa sử dụng 12 tháng liên tục: 0 ha;

- Diện tích đất đã bàn giao cho địa phương và phương án sử dụng đất đối với diện tích đất sau khi địa phương nhận bàn giao tính đến 31/12/2021: 3.305,92 ha.

- Kết quả xử lý và các giải pháp khắc phục: Đang tiếp tục tăng cường, chỉ đạo giải quyết những tồn tại liên quan đến các công ty nông, lâm nghiệp theo quy định.

c) Số các dự án, diện tích đất hiện không triển khai sử dụng do đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra hoặc đã có kết luận điều tra, thanh tra, kiểm tra, xử lý vụ án, vụ việc xong rồi nhưng chưa được xử lý.

Không có

3.2. Quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên nước

3.2.1. Về điều tra cơ bản tài nguyên nước

- Việc điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước liên tỉnh trên địa bàn:

+ Hoạt động điều tra, đánh giá tài nguyên nước bao gồm nhiều nội dung, trong đó có nội dung “*xác định khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước và lập bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải của nguồn nước*”. Trên địa bàn tỉnh có sông Cầu, Thương, Lục Nam và một số sông, suối, phụ lưu hiện có khoảng 1.300 công trình thủy lợi gồm: 274 hồ chứa nước (24 hồ chứa nước lớn, 17 hồ chứa nước vừa và 233 hồ chứa nước nhỏ); 203 đập dâng (03 đập dâng lớn, 200 đập dâng nhỏ và phai tạm); 823 trạm bơm (có 41 trạm bơm vừa và lớn, 782 trạm bơm nhỏ cục bộ. Hiện nay, tỉnh Bắc Giang đã thực hiện dự án điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông Thương; Điều tra, đánh giá và công bố vùng bảo vệ nước mặt, vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ; Điều tra, đánh giá, xác định khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

+ Hoạt động điều tra, đánh giá tìm kiếm nguồn nước dưới đất tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước trên địa bàn tỉnh thuộc dự án tìm kiếm nguồn nước dưới đất tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước khu vực miền núi, trung du Bắc Bộ do Bộ Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư, đã thực hiện điều tra tìm kiếm tại 04 huyện vùng trung du miền núi là Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế đáp ứng đủ nhu cầu khai thác sử dụng nước cho sinh hoạt tại các vùng điều tra, tìm kiếm; các giếng khoan này đã được kết cấu đảm bảo có thể xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho nhân dân.

- Việc kiểm kê tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh; tổng hợp kết quả kiểm kê của các lưu vực sông nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn: việc thực hiện kiểm kê tài nguyên nước được thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước, định kỳ năm (05) năm một lần, phù hợp với kỳ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, do Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa có hướng dẫn về nội dung, biểu mẫu kiểm kê, báo cáo kết quả kiểm kê tài nguyên nước theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP, vì vậy việc tổ chức kiểm kê tài nguyên nước đối với nguồn nước nội tỉnh chưa thực hiện được. Trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện kiểm kê tài nguyên nước theo quy định.

- Việc điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn: do chưa có hướng dẫn về nội dung, biểu mẫu điều tra, nội dung báo cáo và trình tự thực hiện điều tra hiện trạng quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ, nên chưa có cơ sở tổ chức thực hiện việc điều tra hiện trạng theo quy định.

- Việc tổ chức xây dựng, quản lý và thực hiện việc quan trắc tài nguyên nước đối với mạng quan trắc tài nguyên nước của địa phương:

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 05 trạm thủy văn đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (gồm: 02 trạm đo mực nước: Phủ Lạng Thương và Cẩm Đàn; 03 trạm đo mực nước và đo lưu lượng: Trạm Cầu Sơn, Trạm Chũ và Lục Nam), 01 hệ thống giám sát chất lượng nước trên kênh; công trình được lắp đặt các điểm đo lượng mưa, đo mực nước đến chủ yếu là các hồ chứa, đập dâng, trạm bơm và kênh có dung tích, lưu lượng lớn và vừa (có 42 hồ chứa lớn và vừa; 02 đập dâng lớn; 41 trạm bơm lớn và vừa và 02 hệ thống kênh mương lớn đã được lắp đặt các thiết bị đo mưa, mực nước) và đang triển khai 05 trạm quan trắc nước mặt tự động trên các sông Thương, Cầu và sông Lục; các chỉ tiêu chủ yếu quan trắc mực nước, nhiệt độ, độ PH, độ đục,... Các trạm quan trắc này đang trong giai đoạn triển khai khảo sát, xây dựng.

- Việc xây dựng hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán và các tác hại khác do nước gây ra: công tác dự báo, cảnh báo lũ lụt, hạn hán chủ yếu thông qua mạng lưới trạm khí tượng thủy văn cơ bản, các bản tin dự báo, cảnh báo của Đài khí tượng thủy văn khu vực và Đài khí tượng thủy văn tỉnh Bắc Giang. Các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn tỉnh như lũ lụt, hạn hán, trượt sạt lở đất do mưa lớn có ảnh hưởng tác động lớn đến hoạt động sản xuất và đời sống của Nhân dân.

- Việc tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của địa phương: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 18/2010/QĐ-UBND ngày 22/3/2010 ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, đến nay dự án đã hoàn thành bàn giao, đưa vào vận hành hệ thống khai thác, sử dụng phục vụ nhu cầu quản lý và tra cứu của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

- Việc báo cáo định kỳ hằng năm về tình hình sử dụng nước của địa phương: hằng năm UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện báo cáo định kỳ gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định.

3.2.2. Về bảo vệ tài nguyên nước

- Việc khoanh định, công bố vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất; tình hình đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn: UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng và ban hành Quyết định số 1614/QĐ-UBND 31/8/2015 phê duyệt điều tra, đánh giá và công bố vùng bảo vệ nước mặt, vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; chỉ đạo các huyện, thành phố công bố Danh mục các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ;

- Xây dựng các trương trình kế hoạch:

+ Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của sông Lục Nam, đề xuất biện pháp bảo vệ chất lượng nước sông Lục Nam trên địa bàn địa bàn tỉnh Bắc Giang; Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của các hồ chứa trên địa bàn địa bàn tỉnh Bắc Giang;

+ Điều tra, xác định chất lượng nước và khả năng tiếp nhận nước thải đối với 10 hồ trên địa bàn huyện Việt Yên và thành phố Bắc Giang; đề xuất biện pháp quản lý, bảo vệ chất lượng nước;

+ Điều tra, xác định dòng chảy tối thiểu trên các nhánh, sông chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, nhằm phục vụ công tác quản lý, cấp phép về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh”;

+ Điều tra, đánh giá hiện trạng ô nhiễm nguồn nước mặt nước dưới đất và xây dựng kế hoạch khôi phục các nguồn nước bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh và Quan trắc, giám sát về số lượng (mức nước, lưu lượng nước), chất lượng các nguồn nước (nước mặt, nước dưới đất); hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

- Việc thực hiện các quy định về cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi, cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước: Được thực hiện theo đúng quy định, các thủ tục hành chính liên quan đến người dân và doanh nghiệp được công bố công khai đầy đủ trên trang website của Sở Tài nguyên và Môi trường, trên cổng thông tin của Văn phòng UBND tỉnh, niêm yết tại trụ sở của cơ quan chuyên môn, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.

- Việc tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép: Từ khi có Luật Tài nguyên nước, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã cấp, gia hạn được 534 giấy phép hoạt động tài nguyên nước. Trong đó, giai đoạn từ năm 2014 đến hết năm 2021 đã cấp được 499 Giấy phép.

- Việc tuân thủ, thực hiện các quy định về trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi, cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước: Cơ quan tham mưu đã thực hiện và tuân thủ quy định về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần, số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết đầy đủ theo quy định tại Điều 35 và Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

- Việc quản lý, theo dõi, chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước: trên địa bàn tỉnh chưa có đơn vị nào chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

3.2.3. Tài chính về tài nguyên nước

- Việc ban hành giá tính thuế tài nguyên làm cơ sở để tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: hằng năm UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu thực hiện xây dựng và trình ban hành kịp thời bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Trên cơ sở giá tính thuế tài nguyên, các cơ quan chuyên môn đã thẩm định tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với các công trình được cấp phép theo đúng quy định, đến nay UBND tỉnh Bắc Giang đã phê duyệt được 86 trường hợp cấp phép khai thác tài nguyên nước với tổng số tiền đã phê duyệt là 9,277 tỷ đồng.

- Việc phân bổ kinh phí cho hoạt động điều tra cơ bản, quy hoạch, quản lý, bảo vệ tài nguyên nước: Trong những năm qua, tỉnh Bắc Giang đã quan tâm phân bổ, kịp thời bố trí kinh phí cho công tác quy hoạch tài nguyên nước; Điều tra, khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh; Khảo sát, điều tra lập danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh; rà soát, điều chỉnh bổ sung các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông, hồ là nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

3.3. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

- Tổng hợp báo cáo số liệu về thực trạng quản lý, khai thác khoáng sản; việc tuân thủ các nguyên tắc, các quy định về quản lý, khai thác khoáng sản:

+ Việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản: Giai đoạn 2016-2021 UBND tỉnh đã cấp được 60 giấy phép khai thác khoáng sản. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với 96 giấy phép, với tổng số tiền là 164,1 tỷ đồng. Năm 2020, 2021 tỉnh Bắc Giang đã tập trung thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 35 điểm mỏ khoáng sản làm VLXD thông thường.

Kết quả hoạt động khai thác của các doanh nghiệp đã đáp ứng được một phần phục vụ cho các dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh nhất là than và khoáng sản làm VLXD; hạn chế tình trạng khai thác khoáng sản (cát, sỏi, đất san lấp, đất sét) trái phép làm sạt lở bờ, bãi sông, mất đất canh tác, ảnh hưởng đến đê điều, thất thu thuế, mất an ninh trật tự- xã hội địa phương; giảm gánh nặng cho các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác. Góp phần tăng thu cho ngân sách tỉnh (thu từ phí bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản), với tổng số tiền là trên 1.465 tỷ đồng (*trong đó: năm 2016 là 157 tỷ đồng, năm 2017 là 196 tỷ đồng, năm 2018 là 283 tỷ đồng, năm 2019 là 273 tỷ đồng, năm 2020 là 310 tỷ đồng, năm 2021 là 245 tỷ đồng*).

+ Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh: Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản đất, đá, cát sỏi trên địa bàn tỉnh đã được các ngành, các cấp của tỉnh tăng cường triển khai thực hiện; Kết quả từ 01/01/2016 đến 31/12/2021, toàn tỉnh đã kiểm tra xử lý trên 1.435 trường hợp vi phạm, với tổng số tiền xử phạt VPHC trên 17,5 tỷ đồng, thu hồi 12 giấy phép khai thác khoáng sản (*năm 2016: cát sỏi 01, đất sét gạch 01; năm 2018: cát sỏi 01, 08 quặng đồng*), tước quyền sử dụng giấy phép khai thác trong thời hạn từ 60-90 ngày đối với 05 doanh nghiệp (*đất san lấp 04, đá VLXD 01*) và nộp lại số lợi ích bất hợp pháp có được do vi phạm với tổng số tiền trên 10,92 tỷ đồng, tịch thu 09 tàu hút cát và nhiều phương tiện, tang vật vi phạm.

- Việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác khoáng sản:

+ Nhằm thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 03 văn bản¹ và tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 07 văn bản²

+ Đã chủ động tham mưu UBND tỉnh xây dựng và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số quy hoạch liên quan đến vật liệu xây dựng thông thường (cát sỏi, đất sét gạch ngói, đất san lấp) trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 nhằm đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng thông thường đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Kết quả: Đã quy hoạch 84 khu vực cát, sỏi, tổng tài nguyên dự báo khoảng 13,65 triệu m³; 97 điểm mỏ đất san lấp với tài nguyên dự báo khoảng 55,2 triệu m³; 70 khu vực mỏ đất sét với tổng tài nguyên dự báo khoảng 80,0 triệu m³.

Ngoài ra, thực hiện Luật Quy hoạch, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành tập trung lập Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022, trong đó có việc lập phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 đảm bảo cho nhu cầu san lấp và vật liệu xây dựng nhằm phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh.

- Về công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý hoạt động khoáng sản

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh đôn đốc các Sở, ngành của tỉnh và UBND cấp huyện đã tăng cường kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Kết quả:

- Đối với các doanh nghiệp được cấp phép: đã xử lý 08 doanh nghiệp, với tổng số tiền xử phạt VPHC là 1.100 triệu đồng, thu hồi 11 Giấy phép khai thác (02 cát, sỏi, 01 đất sét gạch, 08 quặng đồng), buộc nộp lại số lợi ích bất hợp pháp 424,76 triệu đồng; ngoài ra, tham mưu xử lý 10 trường hợp khai thác trái phép, với tổng số tiền 1.510 triệu đồng.

¹ Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 về việc Ban hành quy chế phối hợp trong quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 về việc bãi bỏ Quyết định số 265/2014/QĐ-UBND ngày 19/5/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý, khai thác, vận chuyển đất đắp nền công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 về việc bãi bỏ Quyết định số 194/2013/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 quy định quản lý hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông và sử dụng bãi ven sông chứa cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

² Công văn số 1785/UBND-TN ngày 27/6/2016 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác, san gạt mặt bằng, hạ cốt nền và vận chuyển đất san lấp mặt bằng, hạ cốt nền và vận chuyển đất san lấp mặt bằng, đắp nền công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Công văn số 84/UBND-TN ngày 11/01/2018 về tập trung cao điểm xử lý vi phạm trong khai thác cát, sỏi lòng sông và tập kết kinh doanh trái phép cát, sỏi; Công văn số 1333/UBND-TN ngày 26/4/2018 về việc rà soát, kiểm tra, xử lý các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản không thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, khoáng sản, môi trường và các quy định về kiểm soát hoạt động khoáng sản; Công văn số 1700/UBND-TN ngày 21/5/2019 về việc đấu tranh phòng, chống tội phạm và xử lý vi phạm pháp luật trong khai thác cát, sỏi trên địa bàn tỉnh; Công văn số 3948/UBND-TN ngày 31/10/2019 về việc chấn chỉnh công tác quản lý; tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm trong khai thác, tập kết, vận chuyển đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Công văn số 3101/UBND-TN ngày 16/7/2020 về việc tăng cường quản lý hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ bãi sông trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 21/4/2020 về việc tăng cường các biện pháp quản lý hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Đối với các trường hợp khai thác khoáng sản trái phép: đã xử lý 1.290 trường hợp, tổng số tiền xử phạt VPHC là 13.423 triệu đồng, tịch thu 06 tàu hút cát, 2.231m³ cát, truy thu nghĩa vụ tài chính với tổng số tiền 1.963,3 triệu đồng, thu giữ phương tiện vi phạm và xử lý hình sự 01 trường hợp khai thác cát.

Trên đây là Báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021. Báo cáo này bổ sung cho Báo cáo số 27/BC-STNMT ngày 31/3/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Đoàn đại biểu QH;
- Sở Tài chính;
- LDS;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Bùi Quang Huy